

Số: 06/2025/QĐST-DS

Tây Ninh, ngày 23 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp:* Bà Phan Thị Phương.

*Thư ký phiên họp:* Ông Lê Hoàng Liêm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh tham gia phiên họp:* Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh cơ sở Dương Minh Châu, tiến hành mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2025, về việc “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Minh C, sinh năm 1976, CCCD số 072076012087 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1973, CCCD số 072171008398; cùng địa chỉ: Tổ E, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của ông C, bà C1: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã D, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1973, CCCD số 072173009592; anh Tổng Quốc T1, sinh năm 2000, CCCD số 072200009984 và chị Tổng Thị Anh T2, sinh năm 2002, CCCD số 072173009592. Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

\* Theo đơn yêu cầu đề ngày 06/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu là ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1 trình bày: Bà Phạm Thị N phải thi hành án cho ông, bà số tiền 321.022.221

đồng, theo Quyết định số 06/2025/QĐCNHGT-DS ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 234/QĐ-CCTHADS ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, bà N không tự nguyện thi hành. Bà N và ông Tống Văn Q (đã chết) có khối tài sản chung là các thửa đất số 38 và 155, tờ bản đồ số 33, diện tích 5.490 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Để cơ quan Thi hành án dân sự có cơ sở tiến hành cưỡng chế, ông bà yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông Q.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị N trình bày:*

Bà và ông Tống Văn Q là vợ chồng, có giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 12/08/2002. Ông Q chết ngày 27/9/2023. Vợ chồng có hai con là Tống Quốc T1 (sinh năm 2000) và Tống Thị Anh T2 (sinh năm 2002). Cả hai hiện cùng cư trú với bà tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Cha ông Q là Tống Văn D (chết ngày 27/02/2006), mẹ là Nguyễn Thị H (chết ngày 26/6/2019).

Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có tạo lập (nhận chuyển nhượng) quyền sử dụng đất tại các thửa số 38 và 155, tờ bản đồ số 33, diện tích 5.490 m<sup>2</sup>, tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03766 ngày 29/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp mang tên Tống Văn Q và Phạm Thị N. Đây là tài sản hình thành từ nguồn tiền tích lũy chung của vợ chồng, hiện đang được sử dụng để trồng mì.

Ngoài ra, vào năm 2013, mẹ chồng bà là Nguyễn Thị H có tặng cho riêng ông Q thửa đất số 39, tờ bản đồ số 33, tại ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06598 ngày 13/11/2013 do UBND Huyện D cấp cho ông Q. Trên đất có căn nhà cấp 4 (không tô, không trần), hiện là nơi bà và các con đang ở.

Đối với yêu cầu của ông C, bà C1 về việc xác định phần tài sản của bà trong khối tài sản chung với ông Q tại các thửa đất số 38 và 155 nêu trên, bà đồng ý. Bà xác định phần quyền sở hữu, sử dụng của mình trong khối tài sản chung là ½ giá trị. Do đó, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết và trình tự tiến hành phiên họp Thẩm phán và Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết yêu cầu việc dân sự: Đề nghị Thẩm phán căn cứ các Điều 33, 66 Luật HNGĐ; Điều 149 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu, xác định bà N có ½ phần quyền trong QSDĐ thửa số 38, 155, tờ bản đồ số 33, diện tích 5.490m<sup>2</sup>, tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CS03766, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 19/8/2020 cho bà N và ông Q.

- Về lệ phí: Đương sự phải chịu lệ phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hồ sơ thể hiện Chấp hành viên đã thông báo cho người phải thi hành án là bà Phạm Thị N và những người có quyền sở hữu chung đối với tài sản, quyền sử dụng đất để họ tự thỏa thuận phân chia hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết. Hết thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà các bên không thỏa thuận, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Chấp hành viên đã thông báo cho người được thi hành án là ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1 về quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà N trong khối tài sản chung với ông Tống Văn Q.

Trên cơ sở thông báo của Chấp hành viên, ông C và bà C1 đã có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng tài sản của bà N trong khối tài sản chung với ông Q để thi hành án. Do đó, căn cứ Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu. Sau ngày 01/7/2025, căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – tỉnh Tây Ninh.

[2] Xét yêu cầu của ông C, bà C1: Bà Phạm Thị N là người phải thi hành án theo Quyết định số 06/2025/QĐCNHGT-DS ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu và Quyết định số 234/QĐ-CCTHADS ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu. Theo đó, bà N phải thi hành số tiền 321.022.221 đồng và lãi suất chậm thi hành án.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định, bà N và chồng là ông Tống Văn Q (chết ngày 27/9/2023) có tài sản chung là quyền sử dụng đất tại các thửa số 38 và 155, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03766 ngày 29/8/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp đứng tên ông Q và bà N. Bà N xác định bà và ông Q có quyền sở hữu, sử dụng ngang

nhau đối với khối tài sản chung này. Xác định đó phù hợp với quy định tại các Điều 29, 33, 66 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Do vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1; xác định bà N và ông Q, mỗi người có quyền sở hữu, sử dụng  $\frac{1}{2}$  giá trị khối tài sản chung nêu trên.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh tại phiên họp là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 300.000 đồng lệ phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 29, 33, 66 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của người được thi hành án ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1, về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án”.

Xác định quyền sử dụng đất tại các thửa số 38, 155, tờ bản đồ số 33, tại xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ CS03766, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 19/8/2020 là tài sản chung của ông Tống Văn Q và bà Phạm Thị N. Trong đó phần sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị N là  $\frac{1}{2}$  (chiếm 50%) trong khối tài sản này để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Lê Minh C và bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng).

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện Kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- VKSND KV.11 - TN;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;
- Lưu tập QĐ.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(ĐÃ KÝ)

**Phan Thị Phương**